

**MỤC LỤC**

<b>DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT .....</b>	<b>3</b>
<b>DANH MỤC CÁC BẢNG, SƠ ĐỒ .....</b>	<b>4</b>
<b>Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....</b>	<b>5</b>
<b>1. Tên chủ cơ sở .....</b>	<b>5</b>
<b>2. Tên cơ sở.....</b>	<b>5</b>
<b>3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....</b>	<b>5</b>
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....	5
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở .....	6
3.3. Sản phẩm của cơ sở .....	8
<b>4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở .....</b>	<b>8</b>
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên, vật liệu của cơ sở .....	8
4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước của Cơ sở.....	9
<b>5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở.....</b>	<b>9</b>
5.1. Hiện trạng hoạt động của Cơ sở và các hạng mục công trình đã đầu tư.....	9
5.2. Tổ chức quản lý và hoạt động của Cơ sở .....	10
<b>Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>12</b>
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	12
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	12
<b>Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>13</b>
<b>1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....</b>	<b>13</b>
<b>1.1. Thu gom, thoát nước mưa .....</b>	<b>13</b>
<b>1.2. Thu gom, thoát nước thải .....</b>	<b>13</b>
1.2.1. Nước thải sinh hoạt .....	14
1.2.2. Nước thải sản xuất.....	14
<b>1.3. Xử lý nước thải .....</b>	<b>14</b>
<b>2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....</b>	<b>15</b>
2.1. Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải trong quá trình nung sấy.....	15
2.2. Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác .....	17
<b>3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường .....</b>	<b>18</b>
<b>4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại .....</b>	<b>18</b>
<b>5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....</b>	<b>19</b>

<b>6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường</b> .....	<b>19</b>
6.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ .....	19
6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông.....	19
6.3. Sự cố lò nung, lò sấy.....	20
<b>7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường</b> .....	<b>20</b>
<b>Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>22</b>
<b>1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải</b> .....	<b>22</b>
<b>1.1. Nguồn phát sinh nước thải</b> .....	<b>22</b>
<b>1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải</b> .....	<b>22</b>
1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải.....	22
1.2.2. Vị trí xả nước thải .....	22
1.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất .....	22
<b>2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải</b> .....	<b>23</b>
<b>3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung</b> .....	<b>24</b>
<b>Chương V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</b> .....	<b>25</b>
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải .....	25
2. Quan trắc khí thải.....	25
3. Quan trắc thành phần môi trường khác.....	26
<b>Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</b>	<b>27</b>
<b>1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải</b> .....	<b>27</b>
<b>2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật</b> .....	<b>27</b>
<b>2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ</b> .....	<b>27</b>
<b>2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở</b> .....	<b>27</b>
2.2.1. Quan trắc định kỳ môi trường không khí .....	27
2.2.2. Quan trắc chất thải rắn .....	28
<b>3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm</b> .....	<b>28</b>
<b>Chương VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ</b> .....	<b>29</b>
<b>Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ</b> .....	<b>30</b>
<b>PHỤ LỤC BÁO CÁO</b> .....	<b>30</b>

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>VIẾT TẮT</b>	<b>DIỄN GIẢI</b>
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
2	BVMT	Bảo vệ môi trường
3	BYT	Bộ Y tế
4	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
5	CP	Chính phủ
6	CTNH	Chất thải nguy hại
7	CTR	Chất thải rắn
8	KT-XH	Kinh tế - xã hội
9	NĐ	Nghị định
10	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
11	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
12	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
13	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
14	UBND	Ủy ban nhân dân

**DANH MỤC CÁC BẢNG, SƠ ĐỒ**

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ quy trình sản xuất gạch Tuynel.....	6
Bảng 1.1. Khối lượng nguyên, nhiên liệu của Cơ sở.....	8
Hình 1.1. Đất sét tại bãi chứa nguyên liệu.....	9
Bảng 1.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình .....	10
Sơ đồ 3.1. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở.....	13
Sơ đồ 3.2. Sơ đồ nguyên lý hoạt động bể tự hoại 3 ngăn .....	14
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi, khí thải.....	16
Hình 3.1. (a) Ống khói lò sấy; (b) Ống khói lò nung .....	17
Bảng 3.2. Khối lượng CTNH phát sinh trong quá trình sản xuất.....	18
Bảng 3.3. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê chuẩn Đánh giá tác động môi trường.....	21
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm.....	22
Bảng 4.2. Mức độ giá trị giới hạn đối với khí thải .....	23
Bảng 4.3. Mức độ giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung .....	24
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải của cơ sở .....	25
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc khí thải của cơ sở .....	26
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc không khí của cơ sở .....	26

## Chương I

### THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

#### 1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị.
- Địa chỉ văn phòng: Km 8, Quốc lộ 9, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) Lê Đình Sung - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Điện thoại: 0913.485.145.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3200040982 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 11/09/2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 30/11/2021.

#### 2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Nhà máy gạch Tuynel Đông Hà.
- Địa điểm cơ sở: Phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, có diện tích 47.756 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 95, 22, tờ bản đồ số 08, 13 do UBND tỉnh cấp ngày 04/8/2014 và thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/9/2020. Ranh giới tiếp giáp như sau:
  - + Phía Đông Bắc giáp Đường Bắc Sơn;
  - + Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 9;
  - + Phía Đông Nam giáp Công ty Anh Minh Hoàng Đạt;
  - + Phía Tây Nam giáp khu tập thể của Nhà máy xi măng 8,2 vạn tấn/năm của Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị.
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:
  - + Quyết định 170/QĐ-UB ngày 23/01/2003 của UBND tỉnh về việc Phê chuẩn đánh giá tác động môi trường Nhà máy gạch ngói Tuynel Đông Hà của Công ty xi măng Quảng Trị;
  - Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư 9.938.111.721 đồng, thuộc dự án nhóm C.

#### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

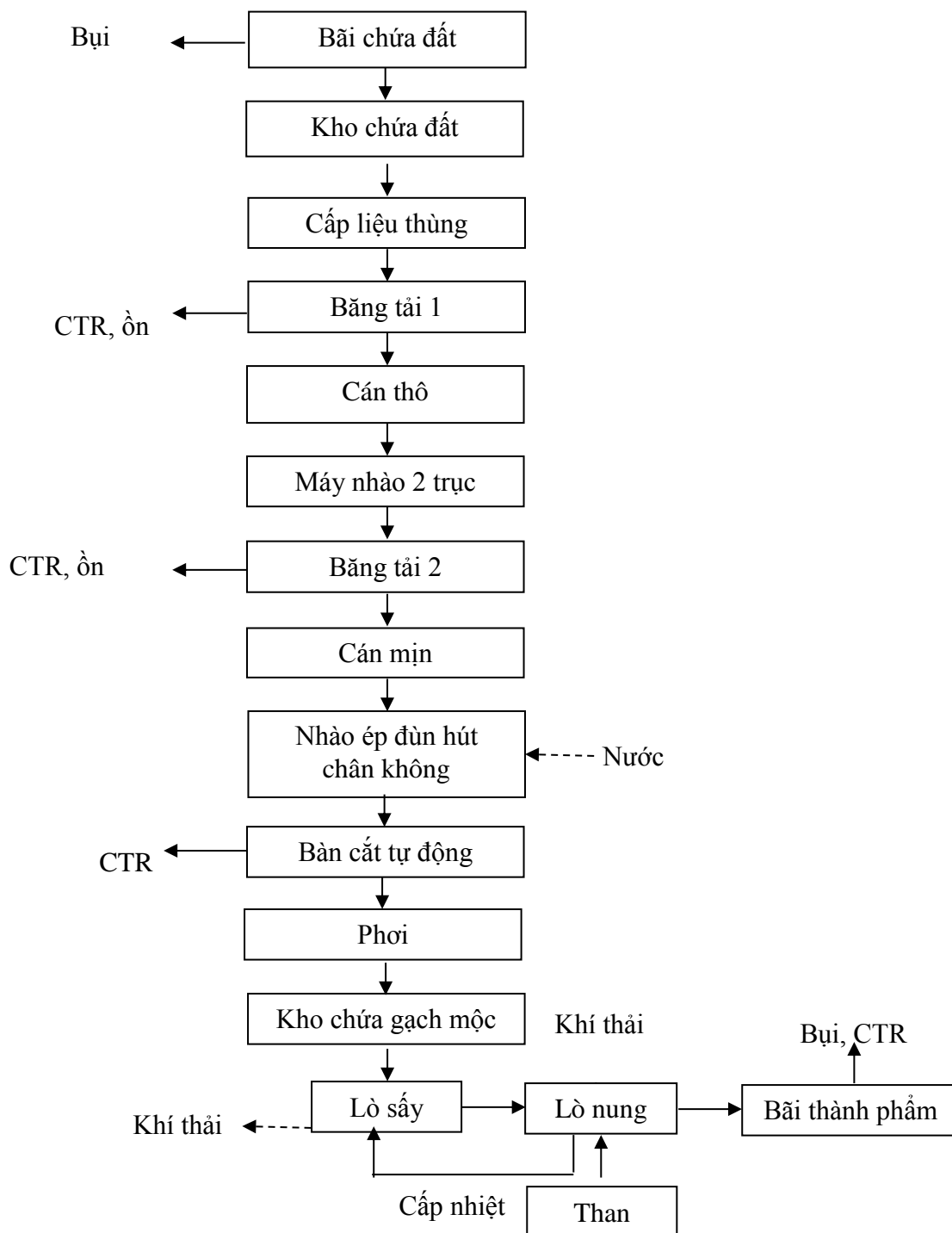
##### 3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

- Sản xuất gạch Tuynel với công suất 20 triệu viên/năm. Bao gồm:
- Gạch đặc với công suất: 2.030.000 viên/năm;

- Gạch nửa và gạch 4 lỗ với công suất: 1.120.000 viên/năm;
- Gạch 6 lỗ với công suất: 16.850.000 viên/năm.

### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

*Quy trình sản xuất gạch Tuynel*



**Sơ đồ 1.1. Sơ đồ quy trình sản xuất gạch Tuynel**

*Thuyết minh công nghệ*

- Thu mua và dự trữ nguyên liệu

Đất sét được thu mua tại từ Công ty TNHH MTV Viết Ly và tập kết trong kho

chứa, tại đây đất được ngâm ủ, phong hóa ít nhất 3 tháng nhờ nước mưa rơi xuống bề mặt bãi chứa sét nguyên liệu. Các hạt sét có điều kiện ngâm nước, làm tăng tính dẻo, đồng nhất độ ẩm. Các tạp chất hữu cơ có thời gian để phân hủy làm tăng chất lượng của đất, chủ động về nguyên liệu sản xuất trong những ngày mưa ẩm.

- Gia công nguyên liệu và tạo hình sản phẩm:

Toàn bộ nguyên liệu được xử lý kỹ trước khi đưa vào hệ thống nhào trộn và tạo hình ban đầu. Tại khâu xử lý nguyên liệu này, nguyên liệu đất sét sau khi được thu mua được đưa vào cấp liệu thùng. Nhiệm vụ của máy cấp liệu thùng là xén nhỏ đất và rải đều nguyên liệu lên băng tải 1.

Than được pha trực tiếp vào đất nguyên liệu sau khi ra khỏi máy cấp liệu thùng. Than trước khi đem pha vào đất được nghiền nhỏ, sàng loại bỏ các tạp chất. Đất vào máy cấp liệu thùng, qua băng tải 1 đến máy nhào thô trực có lưới lọc bỏ rễ cây, sỏi, đá,... Đất cấp đều vào băng tải 2 và được chuyển đến máy nhào trộn than, qua băng tải 3 đến máy căn mịn (khe hở giữa 2 trục cán bằng 2-5 mm). Đất tiếp tục được băng tải 4 đưa vào máy nhào và ép đùn chân không.

Tại máy ép đùn, gạch được tạo thành hình theo nhiều loại sản phẩm khác nhau. Máy nhào đùn liên hợp hút chân không tạo hình viên gạch mộc có độ đặc và độ cứng ban đầu cao, giảm sự biến dạng trong quá trình vận chuyển phơi sấy, đồng thời tăng cường độ chịu nén của sản phẩm sau khi nung có độ đặc và độ cứng ban đầu cao, giảm sự biến dạng trong quá trình vận chuyển phơi sấy, đồng thời tăng cường độ chịu nén của sản phẩm sau khi nung.

- Phơi

Gạch mộc đã tạo hình ra khỏi khuôn ở đầu máy ép được cắt thành viên bằng máy cắt tự động (theo kích thước khác nhau cho từng loại sản phẩm) và theo băng tải ra sân phơi. Sau khi phơi được 5 - 6 ngày gạch mộc đạt độ ẩm 12 - 14%. Gạch được xếp lên xe goòng và đưa vào lò tuynel.

- Nung và sấy bằng lò tuynel

Để hợp lý hóa giữa sấy và nung đồng thời giảm công bốc xếp, goòng chứa gạch mộc sau khi qua sấy được đưa thẳng vào lò nung để thực hiện quá trình nung.

+ Lò sấy tuynel dùng không khí nóng ở vùng làm nguội sản phẩm của lò nung và một phần khí thải từ ống khói làm tác nhân sấy nhằm đảm bảo chế độ sấy bằng không khí ẩm đạt hiệu quả cao.

Trong quá trình sấy, khí thải sẽ hấp thụ vào hơi nước phát sinh từ gạch và được hấp thụ vào đất sét có trong thành phần gạch, khí thải thoát vào môi trường qua ống khói.

## ***Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở: Nhà máy gạch Tuynel Đông Hà***

+ Sau khi qua lò sấy độ ẩm gạch mộc giảm còn 2-5% được xe phà, kích đẩy thủy lực đưa vào lò nung. Nhiên liệu được cấp để ủ chín sản phẩm là than cám và hệ thống quạt gió làm cho sản phẩm tự cháy đảm bảo nung chín sản phẩm (Hệ thống quạt gió sử dụng điện năng).

- Ra lò, phân loại sản phẩm:

Sản phẩm sau khi ra lò sẽ được công nhân bốc dỡ, phân loại theo tiêu chuẩn kỹ thuật và tập kết về bãi thành phẩm bằng xe nâng hoặc xếp trực tiếp lên xe cho khách hàng.

### **3.3. Sản phẩm của cơ sở**

Sản xuất gạch Tuynel với công suất 20 triệu viên/năm. Bao gồm:

- Gạch đặc với công suất: 2.030.000 viên/năm;
- Gạch nửa và gạch 4 lỗ với công suất: 1.120.000 viên/năm;
- Gạch 6 lỗ với công suất: 16.850.000 viên/năm.

## **4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở**

### **4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên, vật liệu của cơ sở**

Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất tại cơ sở đất sét, than cám. Cơ sở sử dụng các nguyên liệu có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Khối lượng sử dụng được tổng hợp từ hoạt động thực tế của Cơ sở như sau:

- Đất sét: Cơ sở sử dụng đất sét được thu mua từ Công ty TNHH MTV Viết Ly có địa chỉ tại xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

- Than cám: được thu mua từ Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh có địa chỉ tại Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

**Bảng 1.1. Khối lượng nguyên, nhiên liệu của Cơ sở**

STT	Tên nguyên liệu, nhiên liệu	Khối lượng	
		tấn/ngày	tấn/năm
1	Đất sét	182	46.000
2	Than cám	5,7	1.700

*Nguồn: Chủ cơ sở cung cấp*





**Hình 1.1. Đất sét tại bãi chứa nguyên liệu**

#### **4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước của Cơ sở**

- Điện: Điện phục vụ cho các hoạt động sản xuất, chiếu sáng, sinh hoạt của CBCNV của Cơ sở khoảng 124.022 kWh/tháng;

- Nước: Tổng lượng nước sử dụng cho hoạt động sản xuất tại cơ sở khi vận hành 100% công suất là 21,2 m<sup>3</sup>/ngày. Trong đó, nước sinh hoạt: 7,7 m<sup>3</sup>/ngày; nước sản xuất nhào đất sét 11,5 m<sup>3</sup>/ngày và nước phun ẩm, tưới cây 2 m<sup>3</sup>/ngày.

*(Hóa đơn điện đính kèm tại phụ lục, Cơ sở sử dụng chung hóa đơn nước với Nhà máy xi măng 8,2 vạn tấn/năm cùng chung Chủ sở hữu).*

#### **5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở**

##### **5.1. Hiện trạng hoạt động của Cơ sở và các hạng mục công trình đã đầu tư**

###### *a. Hiện trạng hoạt động của Cơ sở*

Cơ sở “Nhà máy gạch Tuynel Đông Hà” đã được xây dựng và đi vào hoạt động từ năm 2002, hoạt động sản xuất tại Cơ sở là sản xuất gạch Tuynel với quy mô 20 triệu viên/năm.

Đối với công tác bảo vệ môi trường tại Cơ sở:

- Đối với nước thải: Trong quá trình sản xuất, tại nhà máy chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, không phát sinh nước thải sản xuất. Chủ cơ sở đã xây dựng bể tự hoại 3 ngăn để thu gom xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.

- Đối với khí thải: Xây dựng hệ thống nung sấy cấp nhiệt và thiết bị xử lý khí thải đồng bộ khép kín.

- Đối với công tác thu gom chất thải rắn và CTNH:

+ Các CTR thông thường, CTR sản xuất được công nhân thu gom và hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà đưa đi xử lý.

+ CTNH tại cơ sở được hợp đồng với Công ty cổ phần Cơ - điện - môi trường Lilama đưa đi xử lý.

- Thực hiện các chương trình Quan trắc, giám sát môi trường định kỳ 03

tháng/lần đối với nước thải; khí thải; không khí và tiếng ồn vùng làm việc. Báo cáo kết quả quan trắc về Sở Tài nguyên và môi trường theo quy định.

b. Các hạng mục công trình đã đầu tư

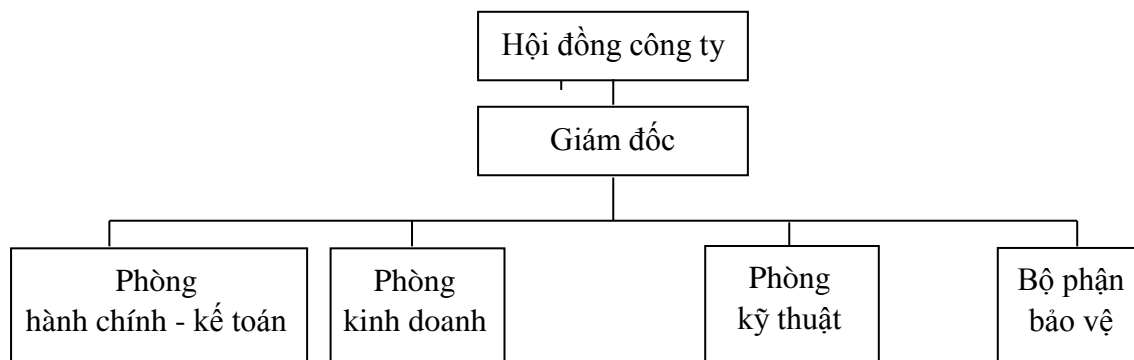
**Bảng 1.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình**

STT	Hạng mục đã xây dựng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Công trình chính</b>	<b>15.730</b>	<b>37,71</b>
1	Nhà cồng chứa gạch mộc	11.200	26,84
2	Nhà tạo hình	1.250	3,00
3	Nhà cơ khí	240	0,58
4	Nhà xếp goòng, lò nung	2.680	6,42
5	Nhà chứa đất	360	0,86
<b>II</b>	<b>Công trình phụ trợ</b>	<b>13.943,7</b>	<b>33,53</b>
6	Nhà văn phòng	160	0,38
7	Nhà trực	36	0,09
8	Kho than cám	540	1,29
9	Kho than	210	0,50
11	Bãi chứa sản phẩm	12.900	30,92
12	Trạm biến áp	86,9	0,21
13	Bể nước	10,8	0,03
14	Nhà nghỉ ca công nhân	50	0,12
<b>III</b>	<b>Cây xanh, sân đường</b>	<b>12.001,3</b>	<b>28,76</b>
	<b>Tổng</b>	<b>41.725</b>	<b>100,00</b>

- Bãi chứa đất nguyên liệu có diện tích là: 11.430 m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, hiện nay bãi chứa đất nguyên liệu chưa có hồ sơ thuê đất. Chủ cơ sở đang thực hiện các thủ tục thuê đất đúng theo quy định.

## 5.2. Tổ chức quản lý và hoạt động của Cơ sở

\* Sơ đồ tổ chức sản xuất:



**Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở: Nhà máy gạch Tuynel Đông Hà**

*\* Chế độ làm việc và bố trí nhân lực:*

- Số lượng CBCNV tại Cơ sở là 77 người. Tại Cơ sở không có hoạt động nấu ăn. Công nhân tại Cơ sở sẽ qua nhà ăn của Nhà máy xi măng 8,2 vạn tấn/năm cùng chung Chủ sở hữu.

- Thời gian làm việc: 300 ngày/năm, 3 ca/ngày, 8h/ca.

## **Chương II**

### **SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

#### **1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

Cơ sở “Nhà máy gạch Tuynel Đông Hà” đi vào hoạt động từ năm 2002 phù hợp với các quy như sau:

- Phù hợp với định hướng phát triển vật liệu xây dựng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22/8/2014 về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Phù hợp với quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, Tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng chính phủ: Cơ sở thuộc phân vùng môi trường khác

- Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến 2025, cụ thể:

+ Trong giai đoạn năm 2015 và từ năm 2016 đến 2020 đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư và tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, tạo các điều kiện cần thiết và thuận lợi thu hút đầu tư phát triển công nghiệp.

+ Tái cơ cấu ngành công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp cả nước, mở rộng các cơ sở công nghiệp hiện có trong ngành chế biến nông, thủy sản; chế biến lâm sản, thực phẩm, đồ uống; chế biến khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng... và đầu tư mới một số nhà máy công nghiệp;

#### **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

Trong quá trình hoạt động, nước thải dự án phát sinh chủ yếu từ quá trình sinh hoạt của CBCNV. Thành phần nước thải chủ yếu chứa các loại vi khuẩn, các chất hữu cơ, các chất rắn lơ lửng, dầu mỡ. Hiện nay, tại cơ sở nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom xử lý bằng bể tự hoại 3, sau đó thấm ra đất khu vực Nhà máy.

### Chương III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Trong quá trình hoạt động, Công ty chưa có thay đổi về hệ thống thu gom, xử lý nước mưa.

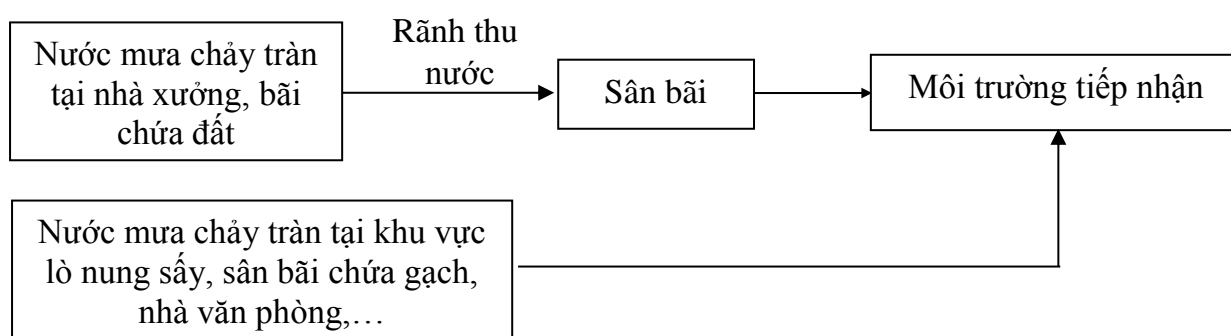
- Nước mưa trên mái nhà cáng chứa gạch mộc theo hệ thống sê nô thu về rãnh thoát nước bề rộng rãnh 0,3 m với tổng chiều dài 750 m chạy xung quanh Nhà xưởng, sau đó được dẫn ra sân bãi, thoát nước theo độ dốc địa hình ra hệ thống thoát nước chung trên tuyến Quốc lộ 9.

- Nước mưa tại khu vực khu lò nung sấy, khu xếp goòng, sân bãi chứa gạch, nhà tạo hình thoát nước theo độ dốc địa hình ra Khe nước tự nhiên nằm phía Tây Bắc Cơ sở.

- Nước mưa tại khu vực văn phòng, kho than cám thoát nước theo địa hình tự nhiên ra hệ thống thoát nước dọc Quốc lộ 9.

- Nước mưa tại bãi chứa đất sét: Hiện nay nước mưa ở khu vực chứa đất sét được thu gom vào rãnh thoát nước bề rộng 1,8 m bằng đất nằm phía Đông Nam dài 150 m và theo hướng nghiêng địa hình thoát ra Khe nước tự nhiên nằm phía Tây Bắc.

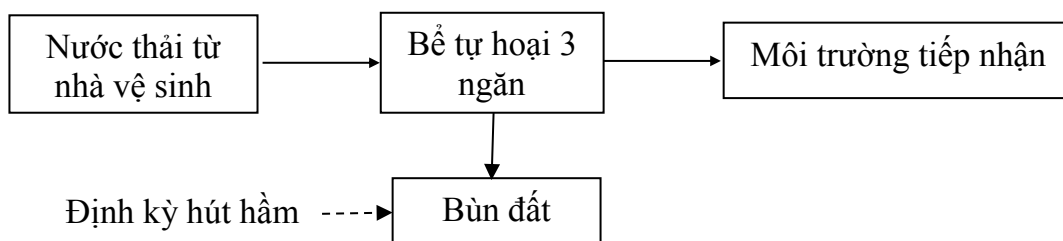
- Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa tại Cơ sở như sau:



**Sơ đồ 3.1. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở**

#### 1.2. Thu gom, thoát nước thải

*Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải tại Cơ sở:*



### **1.2.1. Nước thải sinh hoạt**

Nước thải sinh hoạt chỉ phát sinh từ nhà vệ sinh. Cơ sở không có hoạt động nấu ăn nên không phát sinh nước thải.

- Thu gom nước thải từ nhà vệ sinh: Được thu gom bằng đường ống PVC D110 dẫn về 03 bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm dưới công trình để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí bố trí tại các khu vực nhà vệ sinh công nhân, khu vực văn phòng và khu vực xưởng sản xuất.

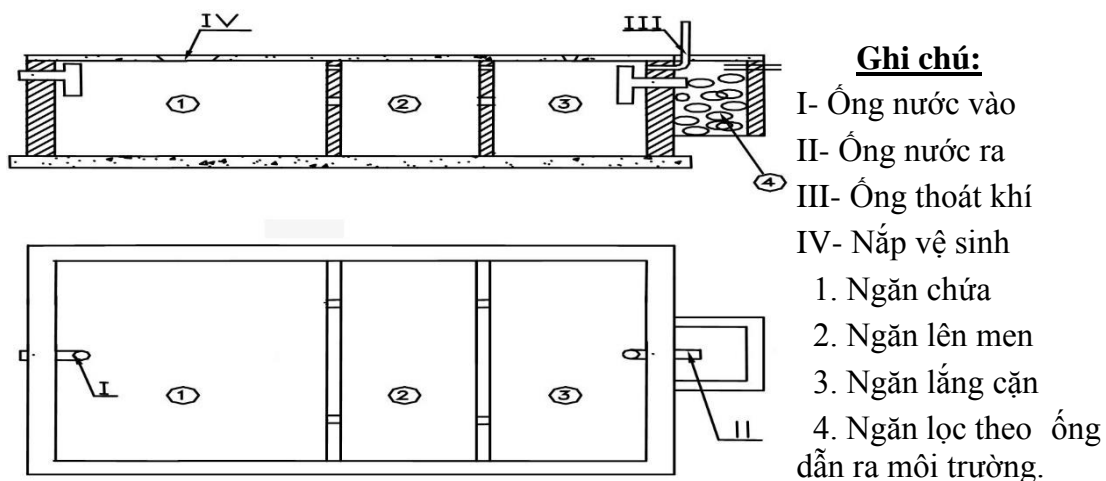
- Thoát nước thải từ nhà vệ sinh: Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó thấm ra môi trường đất của khu vực Cơ sở.

### **1.2.2. Nước thải sản xuất**

Đặc điểm công nghệ sản xuất gạch theo công nghệ Tuynel, nước sử dụng cho sản xuất chủ yếu từ công đoạn ủ, làm ẩm nguyên liệu sét và công đoạn nhào lọc, phối trộn nguyên liệu. Các giai đoạn này, nước được hấp thụ hoàn toàn vào nguyên liệu. Các giai đoạn này nước được hấp thụ hoàn toàn vào nguyên liệu, không thải ra môi trường. Do đó, Cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất.

### **1.3. Xử lý nước thải**

Số lượng công nhân viên làm việc tại Nhà máy 77 người, lượng nước thải phát sinh khoảng 7,7 m<sup>3</sup>/ngày, Cơ sở đã xây dựng công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng 03 bể tự hoại 3 ngăn, thể tích 11,3 m<sup>3</sup>/bể bố trí tại khu vực nhà vệ sinh công nhân khu vực văn phòng và khu vực xưởng sản xuất.



**Sơ đồ 3.2. Sơ đồ nguyên lý hoạt động bể tự hoại 3 ngăn**

Nguyên tắc hoạt động của bể là lắng cặn và phân hủy cặn lắng, nước thải từ ngăn chứa 1 được dẫn qua ngăn thứ 2 và được lên men (các vi sinh vật yếm khí phân hủy các hợp chất hữu cơ). Sau đó, được dẫn qua bể lắng cặn và lọc trước khi thấm qua bể lọc cát với hiệu quả xử lý chất lơ lửng đạt 65 – 70% và chất hữu cơ là 60 – 65%.

Dung tích bể tự hoại được xác định theo công thức sau:

$$W = W_n + W_c$$

Trong đó:

-  $W_n$ : Thể tích phần nước của bể; ( $m^3$ )

-  $W_c$ : Thể tích phần phân hủy cặn của bể; ( $m^3$ )

+ Trị số  $W_n$  có thể lấy bằng 1 - 3 lần lưu lượng nước thải trong một ngày.đêm tùy thuộc yêu cầu vệ sinh, ở đây chọn  $W_n = 2Q_n = 2 \times 7,7 m^3/\text{ngày.đêm} = 15,4 m^3$ .

+ Trị số  $W_c$  được xác định theo công thức sau:

$$W_c = [a \times T \times (100 - W_1) \times b \times c] \times N_1 / [(100 - W_2) \times 1.000] (m^3). \text{ Trong đó:}$$

a: Lượng cặn của một người thải ra một ngày (0,5 – 0,8 lít/người.ng.đ).

T: Thời gian giữa 2 lần lấy cặn, chọn:  $T = 365$  ngày.

$W_1, W_2$ : Độ ẩm của cặn tươi và cặn khi lên men, (%). Chọn  $W_1=95\%$ ,  $W_2=90\%$ .

b: Hệ số giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7.

c: Hệ số để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn (20%) và lấy bằng 1,2.

$N_1$ : Số người quy đổi tính toán:  $N_1 = N.e$ . Trong đó:

+  $N$ : Số người sử dụng ( $N = 77$ );

+  $e$ : Hệ số quy đổi để thiết kế bể tự hoại, tính theo phần trăm tổng số người sử dụng đối với cán bộ công nhân là 70% số người.

$$\Rightarrow W_c = [0,8 \times 365 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times 77] \times 0,7 / [(100 - 90) \times 1.000] = 6,6 m^3$$

$$\text{Tổng thể tích bể tự hoại là } 15,4 + 6,6 = 22 m^3.$$

Đối với lưu lượng nước thải phát sinh khoảng  $7,7 m^3/\text{ngày}$  thì thể tích bể tự hoại cần xây dựng là  $22 m^3$ . Cơ sở đã xây dựng 03 bể 3 ngăn với tổng thể tích là  $33,9 m^3$  (thể tích mỗi bể  $11,3 m^3$ ) hoàn toàn có thể đáp ứng được yêu cầu xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở.

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sẽ chảy thấm ra môi trường đất của Cơ sở.

Kích thước các bể tự hoại: 03 bể tự hoại, thể tích mỗi bể  $11,3 m^3$ .

+ Ngăn chứa: (2,2 x 2,0 x 1,5) m

+ Ngăn lên men: (1,4 x 1,0 x 1,7) m

+ Ngăn lắng và lọc: (1,4 x 1,0 x 1,7) m

## **2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

### **2.1. Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải trong quá trình nung sáy**

- Xử lý bụi khí thải lò nung

Trong công nghệ sản xuất gạch nung, nhiên liệu đóng vai trò là nhiên liệu bên trong và trộn vào nguyên liệu làm gạch. Trong quá trình nung, một phần  $SO_2$  trong nhiên liệu sẽ phát sinh phản ứng với  $K_2O$  và  $Na_2O$  trong nguyên liệu làm gạch, tạo

ra Sulfate (SO<sub>4</sub>) và giữ ở trong thân gạch, trở thành nhân tố nổi bật của gạch nung.

Quá trình đốt trong lò nung sẽ làm phát sinh các chất ô nhiễm trong khí thải đặc biệt là bụi, SO<sub>2</sub>, CO và NO<sub>x</sub>.

Nguyên liệu làm gạch chủ yếu là đất sét, và đất sét là chất hấp phụ tốt khí thải. Do đó, khí thải phát sinh từ lò nung được hấp phụ lại vào sản phẩm, khí thải thoát vào môi trường qua ống khói đường kính 0,6 m, cao khoảng 5 m bằng quạt hút với công suất 60.000 m<sup>3</sup>/h.

- Xử lý bụi, khí thải lò sấy

Để cấp nhiệt cho lò sấy, cơ sở tận dụng lượng nhiệt từ lò nung sấy gạch, khí thải từ lò nung theo đường ống thép đường kính 0,9 m dài khoảng 3,2 m đến cấp cho lò sấy. Trong quá trình sấy, khí thải sẽ hấp thụ vào hơi nước phát sinh từ gạch và được hấp phụ vào đất sét có trong thành phần gạch, khí thải thoát vào môi trường qua ống khói đường kính 0,8 m, cao khoảng 8 m bằng quạt hút với công suất 60.000 m<sup>3</sup>/h.

**Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi, khí thải**

STT	Thiết bị	Thông số của lọc bụi túi vải
1	Ống khói lò nung	- Công suất: 60.000 m <sup>3</sup> /h - Đường kính ống khói: 0,6 m. Cao 5 m
2	Ống khói lò sấy	- Công suất: 3.000 m <sup>3</sup> /h/cái - Đường kính ống khói: 0,8 m. Cao 8 m

Ngoài ra, để giảm thiểu các chất ô nhiễm phát sinh từ lò nung sấy, Cơ sở thực hiện các biện pháp và giảm thiểu các chất ô nhiễm như sau:

- Bụi: Với công nghệ phối trộn than trong đất theo định lượng nên lượng nhiệt bản thân của viên gạch đã đủ nhiệt chín do đó việc gia thêm nhiệt rất ít, đây là yếu tố làm tăng chất lượng sản phẩm, đồng thời ít phát sinh bụi ra môi trường.

- SO<sub>2</sub>: Việc sử dụng than có hàm lượng SO<sub>2</sub> thấp giúp cho nồng độ SO<sub>2</sub> trong khí thải ra được giảm thiểu đáng kể.

- CO: Đưa nhiên liệu đốt vào từng đợt đủ để cháy, không đưa vào lượng lớn nhiên liệu một lần. Lượng không khí đưa vào để làm nguội gạch sau đó đi tiếp vào vùng nung. Việc cấp oxi này giúp quá trình đốt cháy luôn đủ oxi, giúp giảm nồng độ CO phát sinh.

- NO<sub>x</sub>: Với công nghệ phối trộn than trong đất theo định lượng thì việc sử dụng nhiên liệu đốt giảm đi đáng kể, từ đó, lượng khí NO<sub>x</sub> phát sinh từ quá trình đốt than cám cũng giảm đi đáng kể.





**Hình 3.1. (a) Ống khói lò sấy; (b) Ống khói lò nung**

Để đánh giá chất lượng của hệ thống xử lý bụi, khí thải tại lò nung, sấy: Cơ sở đã thực hiện quan trắc chất lượng khí thải tại lò nung. Qua kết quả quan trắc tại Bảng 5.2 cho thấy, các thông số quan trắc chất lượng khí thải tại lò nung đều nằm trong giới hạn cho phép cột B của QCVN 19:2009/BTNMT.

## **2.2. Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác**

*\* Biện pháp giảm thiểu bụi khí thải từ các phương tiện vận chuyển sản phẩm của cơ sở:*

Để giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình vận chuyển sản phẩm Chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực Cơ sở. Phương tiện vận chuyển không kéo cò, rú ga khi đi qua khu vực dân cư.
- Đối với các xe ra vào cổng của hoạt động cho thuê kho, Chủ cơ sở đã bố trí người phân luồng xe tránh tình trạng ách tắc giao thông tại cổng ra vào.
- Khu vực sân bãi, đường nội bộ đã được bê tông hóa. Tăng cường công tác quét dọn trên bề mặt, sân đường nội bộ Nhà máy.
- Các phương tiện vận chuyển đều có bạt phủ kín khi lưu hành trên đường.
- Không sử dụng các loại xe vận chuyển đã hết hạn sử dụng.
- Đối với các phương tiện vận chuyển Công ty sẽ tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển.

*\* Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải khác*

- Tại khu vực chuẩn bị nguyên liệu: Thường xuyên thu dọn nguyên vật liệu rơi vãi (đường nội bộ, các khu phối trộn,...).
- Bố trí hệ thống cây xanh xung quanh Cơ sở, với diện tích cây xanh của cơ sở là 8.700 m<sup>2</sup>.
- Sử dụng than có hàm lượng cacbon cao, ít tạp chất.

### **3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

\* *Khối lượng CTR phát sinh:* Theo khảo sát thực tế khối lượng CTR phát sinh tại Cơ sở như sau:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của 77 CBCNV chủ yếu là túi nilon, chai lọ, giấy lau... với khối lượng phát sinh là 38,5 kg/ngày.

- Đối với chất thải rắn sản xuất: Lượng chất thải rắn sản xuất bao gồm gạch vỡ, phế phẩm, muội than,...

+ Gạch vỡ phát sinh với khối lượng 100 kg/ngày.

+ Muội than phát sinh với khối lượng 300 kg/tháng.

\* *Các biện pháp lưu giữ và xử lý CTR thông thường*

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thực hiện phân loại rác tại nguồn

+ Hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Đông Hà đưa đi xử lý với tần suất 1 ngày/lần.

- Đối với chất thải rắn sản xuất:

+ Đối với gạch vụn phát sinh sẽ được bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

+ Đối với muội than được thu gom và sử dụng để lót nền tại khu vực xe goòng.

### **4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

\* *Khối lượng CTNH phát sinh:*

Trong quá trình hoạt động, lượng CTNH tại cơ sở phát sinh không đáng kể chủ yếu các loại dầu mỡ thải từ hoạt động của các thiết bị máy móc, giẻ lau dính dầu, bóng đèn hư hỏng, ... với khối lượng khoảng 4,5 kg/năm, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh được thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 3.2. Khối lượng CTNH phát sinh trong quá trình sản xuất**

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1,75
2	Giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	1,5
3	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	1,25

\* *Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:*

- CTNH được thu gom và đưa về kho chứa CTNH với diện tích 9 m<sup>2</sup> bố trí góc phía Bắc Nhà máy xi măng 8,2 vạn tấn/năm (Nhà máy gạch Tuynel và Nhà máy xi măng 8,2 vạn tấn/năm cùng chung chủ sở hữu), bên ngoài kho chứa CTNH bố trí 01 biển báo khu vực nguy hiểm không cho người ngoài ra vào khu vực.

- Chủ cơ sở đã Hợp đồng với Công ty Cổ phần Cơ - điện - Môi trường Lilama Quảng Ngãi để vận chuyển và đưa đi xử lý, tần suất 01 lần/năm.

### **5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Khu vực nhà xưởng được thiết kế cách ly với văn phòng làm việc;  
- Các loại máy có động cơ lớn được cân chỉnh và cố định bằng các bộ móng hạn chế rung động;

- Trong quá trình sử dụng sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất;

- Sử dụng máy móc, thiết bị đúng công suất, không vận hành thiết bị quá tải;  
- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực Nhà máy;  
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng, sân bãi nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra ngoài.

- Trang bị bảo hộ lao động cho CBCNV làm việc tại khu vực sản xuất.

### **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

#### **6.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ**

Các biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ đang áp dụng tại Cơ sở:

- Đối với các loại nhiên liệu (như than cám) phải được bảo quản nơi thoáng mát, có khoảng cách ly hợp lý để ngăn chặn sự cháy tràn lan khi có sự cố. Cơ sở đã xây dựng kho chứa than đảm bảo nhiên liệu cho Cơ sở sản xuất ổn định.

- Mỗi khu vực trong Cơ sở được trang bị hệ thống PCCC riêng, bao gồm: các thiết bị chữa cháy như: bình bột, bình CO<sub>2</sub>,... và hệ thống chữa cháy cố định.

- Thành lập tổ kiểm tra, bảo vệ hệ thống mạng lưới dẫn điện.

- Đưa ra các nội quy CBCNV không được hút thuốc trong khuôn viên Cơ sở;

- Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn và thực hành về công tác phòng cháy chữa cháy cho CBCNV dưới sự hướng dẫn của cảnh sát PCCC, định kỳ 01 lần/năm;

- Các số điện thoại của y tế, PCCC bố trí sẵn để kịp thời ứng cứu. Phương tiện PCCC có tiêu lệnh và hướng dẫn cách sử dụng.

- Khi xảy ra sự cố cháy nổ, Ban lãnh đạo Công ty thông báo kịp thời cho toàn bộ CBCNV trong Cơ sở và các cơ sở sản xuất lân cận biết, sử dụng các phương tiện chữa cháy kịp thời hạn chế đám cháy, liên lạc với phòng cảnh sát PCCC và y tế để ứng cứu tại chỗ và di dời công nhân ra khỏi vùng nguy hiểm.

## **6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông**

- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty, định kỳ 03 tháng/lần. Khi xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, CBCNV đã được tập huấn cần phải sơ cứu kịp thời cho nạn nhân sau đó liên lạc với bộ phận y tế để chuyển tới bệnh viện cấp cứu.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho CBCNV đồng thời giám sát, nhắc nhở công nhân phải mang theo bảo hộ lao động khi làm việc;

- Đối với công nhân kỹ thuật sẽ thường xuyên được đào tạo nâng cao chuyên môn nhằm vận hành tốt và an toàn các thiết bị máy móc;

- Thường xuyên và định kỳ khám sức khỏe cho công nhân 01 lần/năm. Trong đó, tập trung vào một số bệnh nghề nghiệp thường hay áp dụng khám sàng lọc là các bệnh phổi nghề nghiệp, điếc nghề nghiệp, nhiễm độc nghề nghiệp. Tùy theo loại hình làm việc của công nhân trong nhà máy để lựa chọn loại hình khám phù hợp.

- Đội xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm ra vào Cơ sở, tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh Luật Giao thông cũng như nội quy đề ra. Các phương tiện có giấy chứng nhận Đăng kiểm phương tiện theo quy định của Nhà nước.

## **6.3. Sự cố lò nung, lò sấy**

Để phòng ngừa, giảm thiểu sự cố tại lò nung, lò sấy, Chủ cơ sở thực hiện tốt các biện pháp sau:

- Vận hành các thiết bị trong quá trình sản xuất theo đúng quy trình kỹ thuật, hướng dẫn của nhà cung cấp.

- Tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc theo đúng định kỳ, theo hướng dẫn của nhà cung cấp.

- Có cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra.

- Khi có sự cố về việc xử lý khí thải, cơ sở dừng hoạt động để khắc phục, sửa chữa

## **7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

Năm 2003, Công ty đã được UBND tỉnh phê chuẩn đánh giá tác động môi trường Nhà máy gạch Tuynel Đông Hà của Công ty Xi măng Quảng Trị tại Quyết định số 170/QĐ-UB ngày 23/01/2003. Đến nay, Công ty đã có thay đổi một số nội dung như sau:

**Bảng 3.3. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê chuẩn Đánh giá tác động môi trường**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Theo Quyết định số 170/QĐ-UB</b>	<b>Nội dung thay đổi</b>
1	CTR	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: sẽ được phân loại để thiêu đốt, chôn lấp tại chỗ</li> <li>- Đối với chất thải rắn công nghiệp như gạch bể, đất cát, xỉ than được tận dụng lại cho sản xuất, hoặc sử dụng để gia cố nền móng, sân bãi, san lấp mặt bằng chỗ trống</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đối với chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Và Công trình Đô thị Đông Hà vận chuyển xử lý</li> <li>- Đối với chất thải rắn công nghiệp</li><li>+ Gạch vụn phát sinh sẽ được bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.</li><li>+ Muội than: được thu gom và sử dụng để lót nền tại khu vực xe goòng</li></ul>

## **Chương IV**

### **NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

#### **1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

##### **1.1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh công nhân.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng
- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực xưởng sản xuất.

##### **1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

###### **1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

- Dòng thải số 01, 02, 03 (Nguồn số 1, 2, 3): Nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn được thẩm ra môi trường đất khu vực Cơ sở.

###### **1.2.2. Vị trí xả nước thải**

+ 01 vị trí đầu ra bể tự hoại 3 ngăn tại khu vực nhà vệ sinh công nhân; (Tọa độ: X: 1.858.849m, Y: 585.058 m).

+ 01 vị trí đầu ra bể tự hoại 3 ngăn tại khu vực nhà văn phòng; (Tọa độ: X: 1.858.841 m, Y: 584.949 m).

+ 01 vị trí đầu ra bể tự hoại 3 ngăn tại khu vực xưởng sản xuất; (Tọa độ: X: 1.858.755 m, Y: 585.159 m).

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $106^{\circ}15'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ )

###### **1.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất**

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: lưu lượng xả thải lớn nhất tại cơ sở đề nghị cấp phép là  $7,7 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

\* *Phương thức xả nước thải:* Tự chảy

\* *Chế độ xả nước thải:* Liên tục

\* *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:*

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

**Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm**

<b>TT</b>	<b>Thông số</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)</b>
1	pH	mg/l	5-9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120

4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> ) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MNP/100ml	5.000

*Ghi chú:*

+ QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B);

+ K=1,2: áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh có dưới 500 người.

## **2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải**

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ lò nung;

+ Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ lò sấy.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa:

+ Nguồn số 1: lưu lượng xả khí thải tối đa là 60.000 m<sup>3</sup>/h

+ Nguồn số 2: lưu lượng xả khí thải tối đa là 60.000 m<sup>3</sup>/h

- Dòng khí thải:

+ Dòng số 1: (Nguồn số 1) khí thải sau khi xử lý qua ống khói cao 5 m thoát ra môi trường;

+ Dòng số 2: (Nguồn số 2) khí thải sau khi xử lý qua ống khói cao 8 m thoát ra môi trường;

- Nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý đạt giới hạn cho phép như sau:

**Bảng 4.2. Mức độ giá trị giới hạn đối với khí thải**

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kp=0,9; Kv=1,0)
1	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	450
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	900
4	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	765

- Vị trí, phương thức xả khí thải:

**Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở: Nhà máy gạch Tuynel Đông Hà**

+ Nguồn số 01: Tại ống khói lò nung của Cơ sở, (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $106^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ : X: 1.858.720 m, Y: 585.034 m).

+ Nguồn số 02: Tại ống khói lò sấy của Cơ sở, (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $106^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ : X: 1.858.756 m, Y: 585.051 m).

+ Phương thức xả thải: cưỡng bức; xả thải liên tục trong ngày.

**3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung**

Nguồn gây tiếng ồn, độ rung chủ yếu phát sinh từ khu xưởng sản xuất,... Đây là nguồn thải cục bộ, tần suất phát thải không đáng kể thường xuyên áp dụng các biện pháp thủ công đơn giản, không cần qua hệ thống xử lý tiếng ồn, độ rung.

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. Mức độ giới hạn cho phép như sau:

**Bảng 4.3. Mức độ giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung**

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN	QCVN	QCVN
			26:2010/BTNMT	27:2010/BTNMT	24:2016/BYT
1	Tiếng ồn	dBA	70	-	85
2	Độ rung	dB	-	70	-



## Chương V

### KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Để đánh giá, giám sát chất lượng môi trường trong quá trình vận hành của cơ sở, Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường để thực hiện công tác quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động với tần suất 04 đợt/năm. Kết quả quan trắc của năm 2023 cụ thể như sau:

#### 1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

**Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải của cơ sở**

Stt	Thông số	Đơn vị	T <sub>GDH</sub>			QCVN 40:2011/ BTNMT (cột B; K = 1)
			Đợt 1 (12/7)	Đợt 2 (12/9)	Đợt 3 (13/11)	
1	pH	-	7,0	7,3	7,0	5,5 - 9
3	TSS	mg/l	48,5	63,0	24,5	100
4	BOD <sub>5</sub>	mg/l	29,0	22,9	23,6	50
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> - N	mg/l	7,86	5,32	6,58	12
6	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> - P	mg/l	2,17	1,77	2,09	12
7	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	1,2	1,2	0,8	24
8	Coliform	MPN/100ml	4.000	2.480	2.110	5.000

#### Ghi chú

+ T<sub>GDH</sub>: Nước thải tại mương thoát nước của Nhà nghỉ ca công nhân.

+ QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

Nhận xét: Kết quả quan trắc ở bảng 5.1 cho thấy, tất cả các thông số quan đều nằm trong giới hạn cho phép theo cột B của QCVN 14:2008/BTNMT.

#### 2. Quan trắc khí thải

- Vị trí quan trắc: Khí thải: Tại ống khói lò nung

**Bảng 5.2. Kết quả quan trắc khí thải của cơ sở**

Stt	Thông số	Đơn vị	KT <sub>GDH</sub>			QCVN 19:2009/BTNMT (Kp = 0,9, Kf = 1,0)
			Đợt 1 (12/7)	Đợt 2 (12/9)	Đợt 3 (13/11)	
1	Lưu lượng	mg/m <sup>3</sup>	3.746	130,8	1.238	-
2	Bụi tổng	mg/m <sup>3</sup>	114,8	139,2	142,2	180
3	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	0	23,4	7,86	450
4	NO <sub>x</sub>	mg/m <sup>3</sup>	2,17	6,25	7,09	765
5	CO	mg/m <sup>3</sup>	471	158,1	136	850

*Ghi chú*

+ KT<sub>GDH</sub>: Tại ống khói lò nung.

+ QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; Kp = 0,9; Kf = 1,0).

Nhận xét: Kết quả quan trắc ở bảng 5.2 cho thấy, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo cột B của QCVN 19:2009/BTNMT.

### 3. Quan trắc thành phần môi trường khác

**Bảng 5.3. Kết quả quan trắc không khí của cơ sở**

Stt	Thông số	Đơn vị	K <sub>GDH</sub>		O <sub>GDH</sub>			QCVN 02:2019/BYT
			Đợt 1 (12/7)	Đợt 2 (13/11)	Đợt 1 (11/7)	Đợt 2 (12/9)	Đợt 3 (13/11)	
1	Tiếng ồn	dBA	62,5	72,3	64,5	70,6	63,5	85 <sup>(1)</sup>
2	Bụi TSP	μg/m <sup>3</sup>	130,7	158,6	-	-	-	8.000

*Ghi chú*

+ K<sub>GDH</sub>: Tại khu vực tạo hình.

+ O<sub>GDH</sub>: Tiếng ồn tại ống khói lò nung

+ <sup>(1)</sup> QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

Nhận xét: Kết quả quan trắc ở bảng 5.3 cho thấy, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 02:2019/BYT và QCVN 24:2016/BYT.

## Chương VI

### CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở đã đi vào hoạt động từ năm 2002. Trong thời gian vận hành hệ thống xử lý chất thải, Chủ cơ sở chưa có thay đổi về các công trình xử lý chất thải và thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống máy móc, thiết bị để đạt hiệu quả xử lý theo đúng quy định. Bên cạnh đó, qua các đợt quan trắc định kỳ chất lượng khí thải của Cơ sở trước khi xả ra môi trường đều đạt cột B của QCVN 19:2009/BTNMT;

Vì vậy, Chủ Cơ sở không đề xuất vận hành thử nghiệm đối với các công trình xử lý chất thải.

#### 2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

##### 2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Cơ sở không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động liên tục và định kỳ.

##### 2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

###### 2.2.1. Quan trắc định kỳ môi trường không khí

\* Quan trắc khí thải:

- Vị trí quan trắc: 02 vị trí

+ 01 vị trí tại ống khói lò nung

+ 01 vị trí tại ống khói lò sấy

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần

+ Thông số quan trắc: Lưu lượng, bụi tổng, SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>x</sub> (tính theo NO<sub>2</sub>)

+ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: cột B của QCVN 19:2009/BTNMT (K<sub>p</sub>=0,9, K<sub>v</sub>=1,0).

\* Quan trắc môi trường không khí vùng làm việc

- Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại khu vực tạo hình;

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần

- Thông số quan trắc: Bụi tổng, tiếng ồn.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

### ***2.2.2. Quan trắc chất thải rắn***

- Vị trí quan trắc: kho lưu chứa CTR, CTNH

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần

- Thông số quan trắc: thành phần, khối lượng CTR phát sinh;

### **3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm**

Kinh phí quan trắc môi trường hàng năm của Cơ sở là 15.000.000 đồng.

## **Chương VII**

### **KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Từ thời điểm hoạt động năm 2002 đến nay, Cơ sở đã có đợt thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường. Cụ thể như sau:

Ngày 26/9/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở. Qua quá trình thanh tra, kiểm tra thực tế hiện trạng công tác bảo vệ môi trường tại Cơ sở, cơ quan chức năng đã yêu cầu Công ty như sau:

- Đề nghị rà soát hạng mục công trình thu gom, xử lý khí thải khu vực lò đốt; Đảm bảo xử lý đạt Quy chuẩn xả thải quy định.

- Tăng cường kiểm soát bụi phát sinh trong môi trường lao động. Tăng cường giải pháp quản lý, giám sát khu vực bãi chứa nguyên liệu vào mùa mưa.

- Rà soát chất lượng công trình sản xuất chính, phụ trợ, công trình BVMT; Hồ sơ, tài liệu liên quan, hoàn thiện, hồ sơ đề nghị cấp GPMT trình cơ quan thẩm quyền cấp phép trước ngày 31/12/2024

Trên cơ sở, kết luận của Cơ quan chức năng trong công tác thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường. Công ty đã tiếp thu và thực hiện như sau:

- Công ty đã rà soát hạng mục công trình thu gom, xử lý khí thải khu vực lò đốt; Đảm bảo xử lý đạt Quy chuẩn xả thải quy định.

- Công ty đã đưa ra các biện pháp kiểm soát bụi phát sinh trong môi trường lao động. Và đưa ra các giải pháp quản lý, giám sát khu vực bãi chứa nguyên liệu vào mùa mưa.

- Hiện nay Công ty đã ký hợp đồng với Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

*(Biên bản làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường được đính kèm tại phụ lục)*

## **Chương VIII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp GPMT.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết vận hành đúng hệ thống thu gom bụi, khí thải phát sinh, nhằm đảm bảo nồng độ bụi, khí thải nằm trong giới hạn quy chuẩn trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.
- Cam kết trong quá trình vận hành các công trình xử lý chất thải, nếu gặp phải các sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải sẽ tiến hành ngừng các hoạt động xả thải và khắc phục các công trình. Chỉ xả thải chất thải ra môi trường khi các thông số trong khí thải đảm bảo theo quy định của pháp luật.

### **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Bản sao Quyết định phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Giấy tờ về đất đai của cơ sở theo quy định của pháp luật.
- Bản vẽ công trình bảo vệ môi trường;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;